

Số : 42/NAG/ 2015.

V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm 2015 đã
kiểm toán

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016.

Kính gửi : - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty : **Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam**
2. Mã chứng khoán : **NAG**
3. Địa chỉ trụ sở chính : **Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc**
4. Điện thoại : **02113873568** Fax : **02113548020**
5. Người thực hiện công bố thông tin : **Nguyễn Thị Huyền Thương**
6. Nội dung của thông tin công bố :

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã kiểm toán.

Nội dung giải trình : Chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán theo Công văn số 39/CV-NAG-2016.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.nagakawa.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu Ban QHCE

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Nguyễn Thị Huyền Thương

CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM

Phúc Thắng – Phúc Yên – Vĩnh Phúc

Số : 29.../CV-NAG-2016

(V/v giải trình chênh lệch trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----000-----

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Kính gửi :

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam
- Mã chứng khoán : NAG
- Trụ sở chính : Khu 9, Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt, nay Công ty xin giải trình số liệu chênh lệch giữa báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014 trước kiểm toán với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015 sau kiểm toán như sau :

*** Số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:**

STT	Chỉ tiêu	Số liệu trước kiểm toán	Số liệu sau kiểm toán	Chênh lệch tăng/ giảm (+/-)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.001.661.818	10.568.314.789	(-) 433.347.029

Lý do như sau :

- Giảm lợi nhuận do bổ sung hạch toán trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : 792.229.253 đồng
 - Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí chênh lệch tỷ giá ngoại tệ : 64.911.164 đồng
 - Giảm lợi nhuận do điều chỉnh giảm tiền lãi cho vay : 142.475.000 đồng
 - Giảm lợi nhuận do điều chỉnh tăng chi phí phân bổ công cụ dụng cụ : 1.820.558 đồng
 - Tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm lợi nhuận chưa thực hiện tại các chi nhánh : 452.268.559 đồng
 - Tăng lợi nhuận do điều chỉnh giảm chi phí thuê kho và tăng lãi tiền gửi ngân hàng : 1.420.933 đồng
 - Tăng lợi nhuận do giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành : 114.399.454 đồng
- Cộng : 433.347.029 đồng**

Vậy Công ty Cổ Phần Nagakawa Việt Nam kính đề nghị Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công bố thông tin giải trình trên nhằm giúp các Nhà đầu tư có đầy đủ thông tin về báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2015 của Công ty.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu TCKT, HCNS

CÔNG TY CP NAGAKAWA VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TÀI SẢN		Số cuối năm	Số đầu năm
A	Tài sản ngắn hạn	255.574.884.356	244.516.216.744
I	Tiền và các tài khoản tương đương tiền	7.402.031.777	3.862.273.906
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	280.099.050	974.385.600
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	145.400.809.559	156.471.130.745
IV	Hàng tồn kho	101.037.080.065	81.370.910.005
V	Tài sản ngắn hạn khác	1.454.863.905	1.837.516.488
B	Tài sản dài hạn	28.070.662.628	30.189.231.628
I	Các khoản phải thu dài hạn		
II	Tài sản cố định	23.051.753.404	25.169.088.412
1	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	23.051.753.404	25.169.088.412
2	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>		
3	<i>Tài sản cố định vô hình</i>		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Tài sản dở dang dài hạn		
V	Đầu tư tài chính dài hạn	4.167.252.826	4.450.855.876
VI	Tài sản dài hạn khác	851.656.398	569.287.340
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	283.645.546.984	274.705.448.372
NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu năm
C	Nợ phải trả	117.959.032.427	119.587.248.604
I	Nợ ngắn hạn	116.928.988.794	119.331.412.947
II	Nợ dài hạn	1.030.043.633	255.835.657
D	Vốn chủ sở hữu	165.686.514.557	155.118.199.768
I	Vốn chủ sở hữu	165.686.514.557	155.118.199.768
1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	148.495.780.000	148.495.780.000
2	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	5.672.110.000	5.672.110.000
3	<i>Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu</i>		
4	<i>Vốn khác của chủ sở hữu</i>		
5	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	(20.000)	
6	<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>		
7	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>		
8	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	3.500.593.946	3.500.593.946
9	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>		
10	<i>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</i>		
11	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	5.103.452.274	(5.422.600.167)
12	<i>Nguồn vốn đầu tư XDCB</i>		
13	<i>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	2.914.598.337	2.872.335.989
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
1	<i>Nguồn kinh phí</i>		
2	<i>Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ</i>		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	283.645.546.984	274.705.448.372



II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU		Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	327.246.949.686	280.166.118.108
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	950.195.946	1.198.603.304
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.296.753.740	278.967.514.804
4	Giá vốn hàng bán	286.112.966.939	241.740.546.293
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.183.786.801	37.226.968.511
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.622.816.733	539.539.195
7	Chi phí tài chính	8.380.288.115	8.375.312.909
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	6.978.305.407	7.943.715.125
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(3.504.000)	(3.495.000)
9	Chi phí bán hàng	14.047.569.637	3.865.341.400
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.046.095.775	12.911.750.669
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.329.146.007	12.610.607.728
12	Thu nhập khác	8.210.029.708	7.064.702.964
13	Chi phí khác	361.341.162	288.152.731
14	Lợi nhuận khác	7.848.688.546	6.776.550.233
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.177.834.553	19.387.157.961
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.671.955.592	4.080.529.326
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(62.435.828)	76.568.179
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN	10.568.314.789	15.230.060.456
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	10.526.052.441	15.201.412.250
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	42.262.348	28.648.206
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	709	1.024
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	709	1.024

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,90	10,89
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	90,10	89,11
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	41,59	43,53
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	58,41	55,42
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,3	1,4
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,2	2,1
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,73	5,54
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,24	5,46
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	6,38	10,00

Kế toán trưởng



KẾ TOÁN TRƯỞNG

Huy Chi Dung

Ngày 29 tháng 03 năm 2016

Tổng giám đốc



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Khả

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-5
Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	8-47
<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	8-11
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	12
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	13-14
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	15-46
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tiền thân là Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 24/CP – VP ngày 22 tháng 08 năm 2002 do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty liên doanh Nagakawa Việt Nam thành doanh nghiệp Việt Nam theo quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 21/03/2007 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000273 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 12 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập và bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2500217389 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 08 tháng 01 năm 2015 về việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ: 148.495.780.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211 873 568
Fax : 0211 873 569
E-mail : Info@nagakawa.com.vn
Mã số thuế : 2 5 0 0 2 1 7 3 8 9

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi nhánh Hà Nội	Số 10, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 225, Hà Huy Tập, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh	64 Lưu Chí Hiếu, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất đồ điện dân dụng. Chi tiết: Sản xuất đồ điện dân dụng, điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế; Mua bán dụng cụ y tế; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả, kính thuốc);
- Sản xuất thiết bị điện khác. Chi tiết: Sản xuất và mua bán máy móc thiết bị điện, vật liệu điện;
- Khai thác quặng sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Khai thác và mua bán đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa. Chi tiết: cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;
- Mua bán sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất và mua bán các loại vật tư ngành lạnh; Mua bán kim loại và quặng kim loại; Sản xuất hàng may mặc; Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc; Mua bán vải, hàng may sẵn, giày dép; Mua bán hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác; Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 47).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Năm 2015 là năm Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao.

Theo báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhận định Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầy đủ các điều kiện để tham gia vào lĩnh vực dệt may. Trong năm 2015 Công ty triển khai mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực này. Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam dưới hình thức cho vay với lãi suất 8%/năm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam. Tổng số tiền cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015: 10.290.000.000 VND. Ngày 25 tháng 3 năm 2016 Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn, theo đó hình thức góp vốn là đối trừ phần công nợ mà Công ty cho Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Nguyễn Đức Khả	Chủ tịch	
Bà Đào Thị Soi	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015
Bà Trương Đào Hải Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Văn Hải	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Chu Thị Hữu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Khả	Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Soi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Huyền Thương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả
Ngày 26 tháng 3 năm 2016

Số : 0906.03.04/2015/NVT-BCTC
Ngày : 26 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2015 từ trang 07 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:
Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội **6**

Chi nhánh tại Hà Nội:
47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:
Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:
K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2014-124-1

Kiểm toán viên

Hồ Xuân Hà

GCNĐKHNKT số: 1603-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		255.574.884.356	244.516.216.744
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.402.031.777	3.862.273.906
1. Tiền	111		7.402.031.777	3.862.273.906
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		280.099.050	974.385.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	280.099.050	974.385.600
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		145.400.809.559	156.471.130.745
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82.110.297.083	80.124.896.456
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	15.589.018.296	17.475.638.026
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	20.990.000.000	25.300.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	28.059.850.205	34.552.263.645
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.348.356.025)	(981.667.382)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	101.037.080.065	81.370.910.005
1. Hàng tồn kho	141		101.829.309.318	81.370.910.005
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(792.229.253)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.454.863.905	1.837.516.488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	1.278.629.842	171.013.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		175.762.746	1.458.170.821
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		471.317	208.331.902
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.070.662.628	30.189.231.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.051.753.404	25.169.088.412
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.051.753.404	25.169.088.412
<i>Nguyên giá</i>	222		91.054.943.439	88.276.894.975
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(68.003.190.035)	(63.107.806.563)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228	V.11	133.962.600	133.962.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(133.962.600)	(133.962.600)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.167.252.826	4.450.855.876
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	4.167.252.826	4.170.756.826
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13	-	280.099.050
VI. Tài sản dài hạn khác	260		851.656.398	569.287.340
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	806.870.877	569.287.340
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	44.785.521	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		283.645.546.984	274.705.448.372

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		117.959.032.427	119.587.248.604
I. Nợ ngắn hạn	310		116.928.988.794	119.331.412.947
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	18.023.892.758	20.070.333.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	4.113.721.178	4.335.469.734
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	11.551.533.487	13.785.833.387
4. Phải trả người lao động	314		1.258.595.959	613.212.208
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	465.359.855	137.810.088
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	198.199.317	108.591.442
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	79.606.122.294	77.029.492.988
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	1.654.040.913	3.193.146.141
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.523.033	57.523.033
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.030.043.633	255.835.657
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	1.012.584.733	200.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	17.650.307
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.24	17.458.900	38.185.350
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		165.686.514.557	155.118.199.768
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	165.686.514.557	155.118.199.768
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		148.495.780.000	148.495.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.672.110.000	5.672.110.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000)	(20.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.500.593.946	3.500.593.946
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.103.452.274	(5.422.600.167)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.422.600.167)	(20.624.012.417)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.526.052.441	15.201.412.250
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.914.598.337	2.872.335.989
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		283.645.546.984	274.705.448.372

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	327.246.949.686	280.166.118.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	950.195.946	1.198.603.304
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		326.296.753.740	278.967.514.804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	286.112.966.939	241.740.546.293
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.183.786.801	37.226.968.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.622.816.733	539.539.195
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	8.380.288.115	8.375.312.909
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.978.305.407	7.943.715.125
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(3.504.000)	(3.495.000)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	14.047.569.637	3.865.341.400
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13.046.095.775	12.911.750.669
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.329.146.007	12.610.607.728
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8.210.029.708	7.064.702.964
13. Chi phí khác	32	VI.9	361.341.162	288.152.731
14. Lợi nhuận khác	40		7.848.688.546	6.776.550.233
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.177.834.553	19.387.157.961
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	3.671.955.592	4.080.529.326
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	(62.435.828)	76.568.179
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>10.568.314.789</u>	<u>15.230.060.456</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		<u>42.262.348</u>	<u>28.648.206</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		<u>10.526.052.441</u>	<u>15.201.412.250</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	<u>709</u>	<u>1.024</u>

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Lan Phương

Huy Thị Dung

Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.177.834.553	19.387.157.961
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.895.383.472	6.957.868.009
- Các khoản dự phòng	03	(400.913.782)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	31.395.172	102.730.007
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.621.220.711)	(507.853.714)
- Chi phí lãi vay	06	6.978.305.407	7.943.715.125
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	24.060.784.111	33.883.617.388
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.077.130.137	(10.597.207.025)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.458.399.313)	7.537.164.222
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.057.293.713)	(15.554.657.235)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.345.199.614)	(488.911.371)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.961.999.682)	(8.017.588.109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.056.474.324)	(50.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.741.452.398)	6.712.417.870
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.034.041.010)	(2.722.229.324)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	254.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(49.790.000.000)	(26.554.484.650)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.074.385.600	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.950.000.000	22.791.875.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.693.234.378	112.715.516
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.893.578.968	(6.117.578.004)

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	220.904.659.801	216.130.178.604
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(217.515.445.762)	(215.615.766.258)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(189.971.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.389.214.039	324.440.858
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.541.340.609	919.280.724
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.862.273.906	2.942.762.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.582.738)	230.690
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	7.402.031.777	3.862.273.906

Người lập biểu

Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng

Huy Thị Dung

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Sản xuất, mua bán, lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa không khí.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

5. Sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty:

Năm 2015 là năm Công ty thực hiện nhiều chính sách quan trọng như nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, khuyến mại, chăm sóc khách hàng và các đại lý bán hàng làm cho chi phí bán hàng của Công ty tăng đáng kể, nhờ đó doanh thu bán hàng của Công ty cũng tăng cao.

Theo báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhận định Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầy đủ các điều kiện để tham gia vào lĩnh vực dệt may. Trong năm 2015 Công ty triển khai mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực này. Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam dưới hình thức cho vay với lãi suất 8%/năm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam. Tổng số tiền cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015: 10.290.000.000 VND. Ngày 25 tháng 3 năm 2016 Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn, theo đó hình thức góp vốn là đối trừ phần công nợ mà Công ty cho Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam vay.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Danh sách Công ty con được hợp nhất:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	80%	80%

Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Nagakawa	Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	100%	28%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

M.S.D.N

M.S.D.N

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

Dự phòng phải trả của Công ty là các khoản dự phòng bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 1% trên doanh thu thuần đối với sản phẩm là điều hòa nhiệt độ và 0,5% trên doanh thu thuần đối với hàng gia dụng và được thực hiện vào cuối năm tài chính

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi của khoản mục tài sản có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 : 22.480 VND/USD

Tỷ giá sử dụng để qui đổi của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 : 22.540 VND/USD

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.332.043.145	911.423.237
Tiền gửi ngân hàng	6.069.988.632	2.950.850.669
Cộng	7.402.031.777	3.862.273.906

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên	280.099.050	280.099.050	974.385.600	974.385.600
Cộng	280.099.050	280.099.050	974.385.600	974.385.600

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	15.671.136.602	23.075.960.810
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	15.671.136.602	23.075.960.810
Phải thu các khách hàng khác (*)	66.439.160.481	57.048.935.646
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	19.635.541.582	24.193.671.627
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Thương mại Tân Việt Hưng	5.872.009.400	-
Các đối tượng khác	40.931.609.499	32.855.264.019
Cộng	82.110.297.083	80.124.896.456

(*) Trong đó các khoản phải thu khách hàng được trích lập dự phòng xem phụ lục số 01.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	-	429.225.000
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	-	429.225.000
Trả trước cho người bán khác (*)	15.589.018.296	17.046.413.026
Công ty TNHH phát triển dịch vụ và công nghệ CPU	-	2.892.912.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Dụng Nagakawa	1.300.951.400	1.537.876.400
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh kỹ thuật cao Gia Bình	5.609.816.089	6.451.768.489
Công ty Cổ phần cơ điện lạnh Hoàn Kiếm	1.224.076.704	1.324.076.704
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Hằng	1.581.707.000	3.279.400.000
Công ty Cổ phần Đông Thụy Anh	1.178.228.950	-
Công ty Cổ phần thép 134 Hà Nội	1.167.980.535	-
Đối tượng khác	3.526.257.618	1.560.379.433
Cộng	15.589.018.296	17.475.638.026

(*) Trong đó các khoản trả trước cho người bán được trích lập dự phòng xem phụ lục 01

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bà Đào Thị Hoa vay với lãi suất 01%/tháng	-	7.500.000.000
Bà Phạm Thị Lan Anh vay với lãi suất 09%/năm	2.700.000.000	4.500.000.000
Bà Trịnh Thị Yên vay với lãi suất 0,5%/tháng	1.500.000.000	7.500.000.000
Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam vay với lãi suất 8%/năm	10.290.000.000	-
Bà Vũ Thị Bích Hồng vay với lãi suất 01%/tháng	-	5.800.000.000
Ông Lê Văn Năm vay với lãi suất 6%/năm	2.500.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Mạnh vay với lãi suất 6%/năm	2.000.000.000	-
Bà Đỗ Thị Thuận vay với lãi suất 09%/năm	2.000.000.000	-
Cộng	20.990.000.000	25.300.000.000

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	17.811.000.000	-	23.536.000.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kinh Tế Quốc Tế Anh Vũ	9.050.000.000	-	14.000.000.000	-
Ông Nguyễn Đức Khả - Tạm ứng hoạt động đầu tư	8.761.000.000	-	9.536.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	10.248.850.205	-	11.016.263.645	-
Ký cược, ký quỹ	765.977.713	-	517.430.622	-
Tạm ứng	9.148.101.884	-	10.074.632.899	-
Lãi vay phải thu	334.186.333	-	406.200.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	584.275	-	18.000.124	-
Cộng	28.059.850.205	-	34.552.263.645	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động các khoản dự phòng trong năm:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(981.667.382)	-	(981.667.382)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)
Giảm do xóa nợ	981.667.382	-	981.667.382
Số cuối năm	(1.348.356.025)	-	(1.348.356.025)

Nợ xấu và trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Phụ lục số 01

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng (*)	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.895.971.019	348.820.586	21.606.835.493	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dờ dang	2.352.655.530	-	5.470.280.456	-
Thành phẩm	23.085.038.505	257.313.720	8.788.578.370	-
Hàng hóa	38.495.644.264	186.094.947	45.505.215.686	-
Cộng	101.829.309.318	792.229.253	81.370.910.005	-

() Hàng tồn kho trích lập dự phòng trong năm là những mặt hàng ứ đọng lâu ngày, mẫu mã cũ không phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng và khó có khả năng tiêu thụ, Công ty có kế hoạch thanh lý những mặt hàng này trong năm 2016.*

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	688.541.819	5.000.000
Chi phí CCDC xuất dùng	65.023.530	1.704.545
Chi phí bảo hiểm tài sản	39.014.610	29.950.591
Chi phí in lịch	-	62.195.833
Chi phí sửa chữa xe ô tô	100.838.540	61.104.765
Chi phí biển quảng cáo	368.283.009	-
Chi phí trả trước khác	16.928.334	11.058.031
Cộng	1.278.629.842	171.013.765

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	24.098.610.773	60.003.262.562	3.944.335.723	187.107.280	43.578.637	88.276.894.975
Mua sắm trong năm	-	-	2.268.259.364	-	-	2.268.259.364
Tăng do XDCB hoàn thành	509.789.100	-	-	-	-	509.789.100
Số cuối năm	24.608.399.873	60.003.262.562	6.212.595.087	187.107.280	43.578.637	91.054.943.439
<i>Trong đó:</i>						
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	1.295.250.622	32.156.990.862	3.077.440.269	187.107.280	43.578.637	36.760.367.670
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.372.656.262	48.247.318.269	3.257.146.115	187.107.280	43.578.637	63.107.806.563
Tăng do trích khấu hao	1.185.103.759	3.331.058.716	379.220.997	-	-	4.895.383.472
Số cuối năm	12.557.760.021	51.578.376.985	3.636.367.112	187.107.280	43.578.637	68.003.190.035
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.725.954.511	11.755.944.293	687.189.608	-	-	25.169.088.412
Số cuối năm	12.050.639.852	8.424.885.577	2.576.227.975	-	-	23.051.753.404

Một số tài sản có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 36.227.081.049 VND và 7.519.260.868 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để đảm bảo cho khoản vay của Công ty mẹ.

Tài sản xe ô tô Kia Sorento có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 988.956.364 VND và 879.072.323 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Thăng Long.

Tài sản xe ô tô Toyota Fortuner có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 949.000.000 VND và 838.797.427 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long để đảm bảo cho khoản vay của Công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính có nguyên giá 133.962.600 VND, thời gian khấu hao 03 năm, đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Giá trị
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa (*)	28%	4.167.252.826	28%	4.170.756.826

(*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Nagakawa với tỷ lệ cổ phần sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 28%. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết, tỷ lệ cổ phần sở hữu thực tế là 100% do các cổ đông khác chưa góp vốn điều lệ. Khoản đầu tư này được điều chỉnh để ghi nhận theo phương pháp vốn chủ như sau:

Vốn góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.040.000.000
Tỷ lệ vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015	100%
Giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(872.747.174)
Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.167.252.826

13. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Số đầu năm là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng, trong năm căn cứ theo thời gian đáo hạn còn lại Công ty đã phân loại lại là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	224.957.627	61.313.642
Chi phí sửa chữa ô tô	79.715.133	24.275.422
Chi phí thiết kế, thu công hạng mục nội thất, nhà xưởng	3.352.090	10.056.273
Chi phí làm biển quảng cáo	37.167.281	95.320.531
Chi phí cải tạo sửa chữa nhà máy	268.986.322	361.156.623
Chi phí thử nghiệm hiệu suất năng lượng cho điều hòa, tủ đông	172.116.667	-
Chi phí trả trước khác	20.575.757	17.164.849
Cộng	806.870.877	569.287.340

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm liên quan đến lãi nội bộ tập đoàn trong hàng tồn kho chưa thực hiện, chi tiết:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	58.917.872
Phát sinh trong năm	44.785.521	
Hoàn nhập trong năm	-	(58.917.872)
Số cuối năm	44.785.521	-

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>6.471.000</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	6.471.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp</i>	<i>18.017.421.758</i>	<i>20.070.333.926</i>
Guangdong CHIGO AIR conditioning Co.,LTD	2.299.808.944	2.572.043.168
TCL Air Conditioner (Zhongshan) Co., LTD.	6.431.669.763	1.819.372.458
Công ty TNHH SX TM&DV Hoàng Điệp	-	5.353.909.301
Công ty cổ phần thép 134 Hà Nội	-	4.327.887.889
Công ty TNHH Thương Mại và Tư Vấn Kỹ thuật Cao	5.714.619.511	326.903.273
Phải trả cho các đối tượng khác	3.571.323.540	5.670.217.837
Cộng	18.023.892.758	20.070.333.926

17. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>340.907.562</i>	<i>968.269.730</i>
Công ty TNHH Phát triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	340.907.562	968.269.730
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>3.772.813.616</i>	<i>3.367.200.004</i>
Văn Phòng Tỉnh Ủy Tuyên Quang	-	704.135.966
Ngân hàng NN&PTNT - CN Buôn Hồ	-	2.350.433.638
Công ty cổ phần công nghệ liên kết Truyền thông	192.473.820	-
Doanh nghiệp tư nhân Việt Tuấn	127.281.900	-
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Công Nghệ và Kỹ Thuật Điện Đại Dương	-	312.200.000
Đại lý Thanh Long	1.642.500.000	-
Công ty TNHH Phát Triển Kỹ Thuật KTĐ	191.241.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Rubyland	1.122.880.000	-
Các đối tượng khác	496.436.896	430.400
Cộng	4.113.721.178	4.335.469.734

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.180.143.649	-	3.592.515.671	6.044.020.212	2.728.639.108	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt - hàng nhập khẩu	-	94.623.310	3.006.598.482	2.911.975.172	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt - hàng sản xuất	3.406.313.600	-	5.378.427.026	3.493.281.000	5.291.459.626	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	113.708.592	4.477.024.788	4.363.787.513	-	471.317
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.890.981.839	-	3.671.955.592	5.056.474.324	3.506.463.107	-
Thuế thu nhập cá nhân	30.683.132	-	28.929.968	34.641.454	24.971.646	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	277.711.167	-	471.175.774	748.886.941	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	47.052.600	47.052.600	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	280.050.995	280.050.995	-	-
	13.785.833.387	208.331.902	20.959.730.896	22.986.170.211	11.551.533.487	471.317

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 22%. (xem thuyết minh VI.10)

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	114.814.904	98.509.179
Chi phí thuê kho phải trả	71.986.365	39.300.909
Chi phí vật tư lắp đặt công trình Học viện quốc phòng	278.558.586	-
Cộng	465.359.855	137.810.088

20. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH, BHYT	49.069.240	105.611.260
Bảo hiểm thất nghiệp	3.696.744	1.955.058
Chiết khấu thương mại tạm tính (Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch Vụ Hồng Lợi Nam)	139.222.725	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.210.608	1.025.124
Cộng	198.199.317	108.591.442

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	79.246.158.961	79.246.158.961	76.954.492.988	76.954.492.988
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (a)	77.446.467.261	77.446.467.261	75.464.164.588	75.464.164.588
Ngân hàng NN và PTNT Phúc Yên (b)	1.799.691.700	1.799.691.700	1.490.328.400	1.490.328.400
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	359.963.333	359.963.333	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	75.000.000	75.000.000	75.000.000	75.000.000
Ngân hàng TMCP Viettinbank - CN Bắc Thăng Long	129.960.000	129.960.000	-	-
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long	155.003.333	155.003.333	-	-
Cộng	79.606.122.294	79.606.122.294	77.029.492.988	77.029.492.988

(a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 14/2015/HMTD/PVBTL-Nagakawa ký ngày 19/06/2015, tổng hạn mức tín dụng tại mọi thời điểm không vượt quá 140 tỷ đồng. Trong đó dư nợ cho vay, phát hành LC và bảo lãnh thanh toán tối đa là 100 tỷ đồng, số tiền cấp bảo lãnh tối đa là 40 tỷ đồng, hạn mức tín dụng trên bao gồm toàn bộ dư nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2014/HMTD/PVBTL-Nagakawa ngày 31/10/2014. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 05/06/2015, thời hạn cho vay tối đa 06 tháng, lãi suất cho vay được ghi cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả hết vào ngày kết thúc thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ và lãi vay được trả định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. Hợp đồng vay được bảo đảm bằng:

+ Bất động sản tại số nhà 112 ngõ 115/206 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của Bà Đào Thị Soi và Ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10111071095.

+ Bất động sản tại số 05, ngách 105, ngõ Xã Đàn 2, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Huyền Thương theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 010913519700112.

+ Bất động sản tại số 106 ngõ 155/206 đường Trường Chinh phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội thuộc quyền sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 10111071019.

+ Bất động sản tại thửa đất số 72.1, tờ bản đồ số 14, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội thuộc sở hữu của bà Đào Thị Soi và ông Nguyễn Đức Khả theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI272273.

+ Bất động sản tại thửa đất số 13, tờ bản đồ 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đình Tấn và bà Đào Thị Hoa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 750752.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

+ Hệ thống máy móc thiết bị, điều hòa, tủ đông thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam Chi tiết về tài sản đảm bảo được thể hiện tại hợp đồng thế chấp số 07/2014/HĐTC/PVBTL-Nagakawa ký ngày 31/10/2014

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của Công ty TNHH PTKT Quốc tế Anh Vũ thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 08/2014/HĐCC/PVBTL-AnhVu ký ngày 31/10/2014

+ Cổ phiếu do Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam phát hành thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đức Khả thể hiện trên hợp đồng cầm cố cổ phiếu niêm yết số 10/2014/HĐCC/PVBTL-ONGKHA ký ngày 31/10/2014

+ Hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam, chi tiết về các mặt hàng được thể hiện trên hợp đồng thế chấp hàng hóa số 12/2014/HĐTC/PVBTL-NAGAKAWA ký ngày 31/10/2015

(b) Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phúc Yên theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 2890LAV201402733 ngày 30 tháng 12 năm 2014 với tổng mức cấp tín dụng tối đa là 1,8 tỷ, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay nhằm thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất máy điều hòa. Thời hạn vay là 10 tháng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014, lãi suất tại thời điểm vay là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tiền lãi vay được trả định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay không có bảo đảm bằng tài sản.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.954.492.988	219.590.359.801	-	217.298.693.828	79.246.158.961
Vay dài hạn đến hạn trả	75.000.000	-	490.885.267	205.921.934	359.963.333
Cộng	77.029.492.988	219.590.359.801	490.885.267	217.504.615.762	79.606.122.294

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng phải trả ngắn hạn cho hoạt động bảo hành sản phẩm tiêu thụ và bảo hành công trình xây lắp. Chi tiết phát sinh trong năm của khoản dự phòng phải trả ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	3.193.146.141
Tăng do trích lập	1.639.215.220
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	20.726.450
Số sử dụng	(1.115.694.057)
Số hoàn nhập	(2.083.352.841)
Số cuối năm	1.654.040.913

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	1.012.584.733	1.012.584.733	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (a)	125.000.000	125.000.000	200.000.000	200.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Bắc Thăng Long (b)	444.230.000	444.230.000	-	-
NH TMCP Đại Chúng VN- CN Thăng Long (c)	443.354.733	443.354.733	-	-
Cộng	1.012.584.733	1.012.584.733	200.000.000	200.000.000

(a) Là khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cấp tín dụng số THK2014/03-HĐTD ngày 19 tháng 8 năm 2014, tổng số tiền vay là 300 triệu đồng, mục đích vay là mua xe ô tô. Thời hạn vay 04 năm kể từ ngày 19 tháng 8 năm 2014 với lãi suất là 7,99%/năm trong vòng 03 tháng đầu, từ tháng thứ 04 lãi vay bằng lãi vay quy định của ngân hàng cộng với tỷ lệ biến động là 3,68%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc và lãi vay được trả định kỳ hàng tháng kể từ ngày giải ngân.

(b) Là khoản vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh-Bắc Thăng Long theo hợp đồng tín dụng số 59/2015-HĐTDDA/NHCT145-PGDBH-Nagakawa ký ngày 11/05/2015, mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Kia Sorento, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất 8,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng/lần. Gốc và lãi được trả định kỳ vào ngày 25 hàng tháng và bắt đầu từ ngày 25/06/2015. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp động sản số 58/2015/HĐTC-NHCT145-PGDBH ký ngày 11/05/2015, tài sản thế chấp là xe ô tô Kia Sorento được định giá trị một tỷ đồng.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng vay số 04/2015/HĐCV/PVBTL-NAGA.IDT ký ngày 14/04/2015, số tiền vay 664.300.000 VND với mục đích cho vay bù đắp đầu tư mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đến hết ngày 31/07/2015 là 11,5%/năm, từ 01/08/2015 lãi suất điều chỉnh theo quy định của ngân hàng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Gốc vay được trả định kỳ 03 tháng/lần, kỳ gốc vay đầu tiên thanh toán vào ngày 26/07/2015, lãi vay được trả 01 tháng/lần vào ngày 26. Tài sản thế chấp là ô tô Toyota Fortuner theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 08/2015/HĐTC/PVBTL-NAGA.IDT có giá trị 949.000.000VND

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	359.963.333	75.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.012.584.733	200.000.000
Trên 5 năm	-	-
Cộng	1.372.548.066	275.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	200.000.000	-
Số tiền vay phát sinh	1.314.300.000	275.000.000
Số tiền vay đã trả	(10.830.000)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	<u>(490.885.267)</u>	<u>(75.000.000)</u>
Cộng	<u>1.012.584.733</u>	<u>200.000.000</u>

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Là dự phòng phải trả dài hạn cho hoạt động bảo hành công trình xây lắp.

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	38.185.350
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	<u>(20.726.450)</u>
Số cuối năm	<u>17.458.900</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	2.955.874.625	544.719.321	(20.624.012.417)	2.843.687.783	139.888.139.312
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	15.201.412.250	28.648.206	15.230.060.456
Số dư cuối năm trước	<u>148.495.780.000</u>	<u>5.672.110.000</u>	<u>(20.000)</u>	<u>2.955.874.625</u>	<u>544.719.321</u>	<u>(5.422.600.167)</u>	<u>2.872.335.989</u>	<u>155.118.199.768</u>
Số dư đầu năm nay	148.495.780.000	5.672.110.000	(20.000)	3.500.593.946	-	(5.422.600.167)	2.872.335.989	155.118.199.768
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	10.526.052.441	42.262.348	10.568.314.789
Số dư cuối năm nay	<u>148.495.780.000</u>	<u>5.672.110.000</u>	<u>(20.000)</u>	<u>3.500.593.946</u>	<u>-</u>	<u>5.103.452.274</u>	<u>2.914.598.337</u>	<u>165.686.514.557</u>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	148.495.780.000	148.495.780.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.672.110.000	5.672.110.000
Cổ phiếu quỹ	(20.000)	(20.000)
Cộng	<u>154.167.870.000</u>	<u>154.167.870.000</u>

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.849.578	14.849.578
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.578	14.849.578
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(2)	(2)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.849.576	14.849.576
- Cổ phiếu phổ thông	14.849.576	14.849.576

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**26. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán****A, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	668,45	547,42

B, Nợ khó đòi đã xử lý

<u>Đối tượng</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Tòa soạn báo Tiền Phong	47.723.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Thuận An	525.607.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	283.250.000		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cửa hàng Nhật Anh	125.087.382		Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty Zhe Jiang Phidas Electric Appliance Manu	104.612.027	104.612.027	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Công ty CP Công nghệ Thương mại Tràng An	30.000.000	30.000.000	Quá hạn quá lâu, không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>1.116.279.409</u>	<u>134.612.027</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a, Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	312.379.674.449	197.955.722.561
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.867.275.237	82.210.395.547
Tổng doanh thu	<u>327.246.949.686</u>	<u>280.166.118.108</u>

1b, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát Triển Kinh tế Quốc tế Anh Vũ	74.687.106.469	48.864.996.396
Cộng	<u>74.687.106.469</u>	<u>48.864.996.396</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	342.424.546	965.112.053
Giảm giá hàng bán	-	89.899.251
Chiết khấu thương mại	607.771.400	143.592.000
Cộng	<u>950.195.946</u>	<u>1.198.603.304</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	273.096.307.611	173.350.245.329
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.224.430.075	68.390.300.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	792.229.253	-
Cộng	<u>286.112.966.939</u>	<u>241.740.546.293</u>

10/0
 C
 ÁCH
 KI
 HẢ
 1/0

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	355.911.026	97.419.298
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	63.387.802	15.296.218
Lãi tiền cho vay	1.201.921.883	406.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.596.022	20.623.679
Cộng	<u>1.622.816.733</u>	<u>539.539.195</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.978.305.407	7.943.715.125
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.370.587.536	328.867.777
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	31.395.172	102.730.007
Cộng	<u>8.380.288.115</u>	<u>8.375.312.909</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.697.805.572	1.095.372.471
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	45.742.789	62.930.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.934.333	433.106.772
Chi phí chi trả các trạm bảo hành	2.409.400.195	640.723.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.850.432.090	776.874.236
Các chi phí khác	3.863.254.658	856.334.063
Cộng	<u>14.047.569.637</u>	<u>3.865.341.400</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.784.230.375	4.280.562.117
Chi phí vật liệu quản lý	80.744.025	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.398.908	572.195.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	755.476.927	1.219.181.046
Thuế, phí và lệ phí	561.704.985	74.234.812
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	1.348.356.025	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.050.564.031	5.757.649.421
Các chi phí khác	2.301.620.499	1.007.927.376
Cộng	<u>13.046.095.775</u>	<u>12.911.750.669</u>

8. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	254.545.454
Thu cho thuê kho, văn phòng	6.119.999.989	6.089.999.994
Hoàn nhập chi phí vận chuyển trích trước	-	89.937.946
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.083.352.841	596.784.032
Thu nhập khác	6.676.878	33.435.538
Cộng	<u>8.210.029.708</u>	<u>7.064.702.964</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	265.607.256
Phạt chậm nộp bảo hiểm	-	7.626.800
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	34.572
Tiền phạt, truy thu thuế tại văn phòng	289.508.232	13.376.110
Tiền phạt tại chi nhánh Hồ Chí Minh	56.449.999	-
Phạt vi phạm dán nhãn	-	1.500.000
Các khoản phạt, truy thu khác	9.208.608	
Chi phí khác	6.174.323	7.993
Cộng	<u>361.341.162</u>	<u>288.152.731</u>

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.177.834.553	19.387.157.961
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	961.214.430	(839.297.390)
- Tiền phạt truy thu thuế tại Văn phòng (*)	2.098.771.763	26.502.910
- Tiền phạt tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	376.685.776	-
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	56.449.999	-
- Phạt hành chính khác	1.348.356.025	-
- Thù lao Ban kiểm soát không trực tiếp điều hành	12.072.786	26.502.910
- Chi phí ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, chi phí không hợp lệ khác	15.727.250	
- Lãi lỗ phát sinh trong quá trình hợp nhất	5.680.709	
- Các khoản điều chỉnh giảm	283.799.218	
- Lãi công trình Buôn Hồ (**)	(1.137.557.333)	(865.800.300)
- Lãi phát sinh trong quá trình hợp nhất	(1.137.557.333)	
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>15.139.048.983</u>	<u>18.547.860.571</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3.330.590.776	4.080.529.326
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	<u>341.364.816</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>3.671.955.592</u>	<u>4.080.529.326</u>

(*) Trong đó: truy thu thuế tiêu thụ đặc biệt 90.041.722 VND được phản ánh giảm trừ doanh thu trong năm, truy thu thuế giá trị gia tăng 6.593.059 VND, phạt 280.050.995 tại Công ty mẹ và 2.864.178 VND phạt theo biên bản thuế tại Công ty con trình bày ở thuyết minh VI.9 – Chi phí khác.

(**) Công trình Buôn Hồ đã được ghi doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 theo biên bản kiểm tra của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(44.785.521)	76.568.179
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(17.650.307)	-
Cộng	(62.435.828)	76.568.179

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.526.052.441	15.201.412.250
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	10.526.052.441	15.201.412.250
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	14.849.576	14.849.576
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	709	1.024

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.849.576	14.849.576
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	14.849.576	14.849.576

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.386.438.985	19.152.195.319
Chi phí nhân công	7.231.364.010	5.599.114.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.895.383.472	6.957.868.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.781.358.717	16.027.963.914
Chi phí trạm bảo hành	2.409.400.195	591.478.766
Chi phí dự phòng	1.348.356.025	-
Chi phí bằng tiền khác	6.820.418.767	1.971.879.917
Cộng	96.872.720.171	50.300.500.820

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	775.000.000	1.574.000.000
Tạm ứng công tác	-	32.366.140
Hoàn tạm ứng công tác	-	117.276.130
Thu thanh lý tài sản cố định	-	250.000.000
Đặt cọc tiền mua đất	13.000.000.000	-
Thu lại khoản đặt cọc mua đất	13.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cá nhân không còn là thành viên		
Hội đồng quản trị		
Thu tiền tạm ứng đầu tư	780.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành viên hội đồng quản trị	8.761.000.000	9.536.000.000
Cá nhân không còn là thành viên HĐQT	8.948.020.140	9.728.020.140
Cộng nợ phải thu	<u>17.709.020.140</u>	<u>19.264.020.140</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	664.398.773	612.821.819

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	Cổ đông chính
Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển hạ tầng Nagakawa	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ		
Phải thu tiền bán hàng	82.155.817.120	53.751.496.041
+ Giá trị chưa thuế	74.687.106.469	48.864.996.396
+ Thuế GTGT đầu ra	7.468.710.651	4.886.499.645
Phải thu tiền cho thuê kho	216.000.000	198.000.000
+ Giá trị chưa thuế	196.363.632	179.999.998
+ Thuế GTGT đầu ra	19.636.368	18.000.002
Mua hàng hóa	1.079.921.000	2.519.385.000
+ Giá trị chưa thuế	981.746.363	2.290.350.000
+ Thuế GTGT đầu ra	98.174.637	229.035.000
Trả tiền hàng	147.000.000	2.948.610.000
Thu tiền bán hàng và thuê kho	89.149.279.160	51.799.410.263
Thu lại tiền hợp tác đầu tư	4.950.000.000	22.791.875.000
Ứng trước tiền hàng	497.225.000	-
Bù trừ công nợ	-	896.475.717

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải thu của Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	<u>24.721.136.602</u>	<u>37.505.185.810</u>
Phải thu tiền bán hàng	15.671.136.602	23.075.960.810
Phải thu do thanh lý Hợp đồng Hợp tác đầu tư	9.050.000.000	14.000.000.000
Ứng trước tiền hàng	-	429.225.000
Cộng nợ phải thu	<u>24.721.136.602</u>	<u>37.505.185.810</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả của Công ty với với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Phát triển kinh tế quốc tế Anh Vũ	347.378.562	968.269.730
Phải trả tiền mua hàng hóa dịch vụ	6.471.000	-
Phải trả tiền ứng trước	340.907.562	968.269.730
Cộng nợ phải trả	347.378.562	968.269.730

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, khu vực Miền Trung và khu vực Miền Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	276.100.522.065	17.888.725.279	32.307.506.396	-	326.296.753.740
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	193.554.846.136	2.249.966.363	83.636.364	(195.888.448.863)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	469.655.368.201	20.138.691.642	32.391.142.760	(195.888.448.863)	326.296.753.740
Chi phí bộ phận	437.583.756.020	16.281.460.146	26.714.685.303	(194.466.934.530)	286.112.966.939
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	32.071.612.181	3.857.231.496	5.676.457.457	(1.421.514.333)	40.183.786.801
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(27.093.665.412)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.090.121.389
Doanh thu hoạt động tài chính					1.622.816.733
Chi phí tài chính					(8.380.288.115)
Thu nhập khác					8.210.029.708
Chi phí khác					(361.341.162)
Phần lãi lỗ trong công ty liên kết					(3.504.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(3.671.955.592)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					62.435.828
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					10.568.314.789
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.472.094.965	-	6.272.727	-	3.478.367.692
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.228.733.215	78.456.818	50.929.130	-	5.358.119.163



CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Trung	Khu vực Miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	358.042.777.975	7.684.235.817	11.687.386.848	(93.768.853.656)	283.645.546.984
Tổng tài sản					283.645.546.984
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	180.080.727.574	7.682.974.381	11.687.386.848	(81.492.056.376)	117.959.032.427
Tổng nợ phải trả					117.959.032.427
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	326.992.436.587	4.498.679.062	11.900.990.641	(68.686.657.918)	274.705.448.372
Tổng tài sản					274.705.448.372
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	160.956.518.044	4.498.679.062	11.900.990.641	(57.768.939.143)	119.587.248.604
Tổng nợ phải trả					119.587.248.604

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.402.031.777	3.862.273.906	7.402.031.777	3.862.273.906
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	280.099.050	1.254.484.650	280.099.050	1.254.484.650
Phải thu khách hàng	82.110.297.083	79.143.229.074	82.110.297.083	79.143.229.074
Các khoản cho vay	20.990.000.000	25.300.000.000	20.990.000.000	25.300.000.000
Các khoản phải thu khác	28.059.850.205	34.552.263.645	28.059.850.205	34.552.263.645
Cộng	138.842.278.115	144.112.251.275	138.842.278.115	144.112.251.275
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	80.618.707.027	77.229.492.988	80.618.707.027	77.229.492.988
Phải trả người bán	18.023.892.758	20.070.333.926	18.023.892.758	20.070.333.926
Các khoản phải trả khác	3.593.654.944	4.090.945.229	3.593.654.944	4.090.945.229
Cộng	102.236.254.729	101.390.772.143	102.236.254.729	101.390.772.143

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	79.606.122.294	1.012.584.733	-	80.618.707.027
Phải trả người bán	18.023.892.758	-	-	18.023.892.758
Các khoản phải trả khác	3.576.196.044	17.458.900	-	3.593.654.944
Cộng	101.206.211.096	1.030.043.633	-	102.236.254.729
Số đầu năm				
Vay và nợ	77.029.492.988	200.000.000	-	77.229.492.988
Phải trả người bán	20.070.333.926	-	-	20.070.333.926
Các khoản phải trả khác	4.052.759.879	38.185.350	-	4.090.945.229
Cộng	101.152.586.793	238.185.350	-	101.390.772.143

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông năm 2015 nhận định Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam đã đầy đủ các điều kiện để tham gia vào lĩnh vực dệt may. Trong năm 2015 Công ty triển khai mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực này. Công ty thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam dưới hình thức cho vay với lãi suất 8%/năm để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần may KLV Việt Nam. Tổng số tiền cho vay tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015: 10.290.000.000 VND. Ngày 25 tháng 3 năm 2016 Công ty đã ký Biên bản thỏa thuận góp vốn, theo đó khoản công nợ mà Công ty cho Công ty Cổ phần May KLV Việt Nam vay nêu trên sẽ được chuyển thành vốn góp khi hai bên hoàn tất các thủ tục.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

12-C
TY
HỮU
OÁN
VIỆ
T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.254.484.650	(280.099.050)	974.385.600
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	25.300.000.000	25.300.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	39.724.200.124	(5.171.936.479)	34.552.263.645
Tài sản ngắn hạn khác	155	20.128.063.521	(20.128.063.521)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	280.099.050	280.099.050
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	3.193.146.141	3.193.146.141
Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.231.331.491	(3.193.146.141)	38.185.350
Quỹ đầu tư phát triển	418	2.955.874.625	544.719.321	3.500.593.946
Quỹ dự phòng tài chính		544.719.321	(544.719.321)	-
Lợi ích cổ đông thiểu số		2.872.335.989	(2.872.335.989)	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	2.872.335.989	2.872.335.989
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	280.177.987.919	(11.869.811)	280.166.118.108
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1.210.473.115	(11.869.811)	1.198.603.304
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	64.126.300.465	(64.126.300.465)	-
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13.257.628.991)	2.660.421.966	(10.597.207.025)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(61.465.878.499)	61.465.878.499	-

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Lan Phương

Kế toán trưởng



Huy Thị Dung

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khả

CÔNG TY CỔ PHẦN NAGAKAWA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu 9, phường Phúc Thắng, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn						
Tòa soạn báo Tiền Phong	Đã xóa nợ		-	Không thể thu hồi	47.723.000	47.723.000
Công ty Thuận An	Đã xóa nợ	-	-	Không thể thu hồi	525.607.000	525.607.000
Doanh nghiệp tư nhân Phú Tài	Đã xóa nợ	-	-	Không thể thu hồi	283.250.000	283.250.000
Cửa hàng Nhật Anh	Đã xóa nợ			Không thể thu hồi	125.087.382	125.087.382
Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Kiến trúc Văn Hóa Việt	Khó có khả năng thu hồi	154.815.000	154.815.000		154.815.000	-
Công ty Cổ phần công nghệ nhiệt lạnh Bách Khoa	Khó có khả năng thu hồi	506.373.900	506.373.900		506.373.900	-
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Tự Động Hóa Vitech	Khó có khả năng thu hồi	56.700.000	56.700.000		56.700.000	-
Guangdong Sky bright Group Co.,ltd	Khó có khả năng thu hồi	156.765.699	156.765.699		156.765.699	-
ZHEJIANG BINGFENG COMPRESSOR CO.,LTD	Khó có khả năng thu hồi	377.031.887	377.031.887		377.031.887	-
Kelon International Inc	Khó có khả năng thu hồi	96.669.539	96.669.539		96.669.539	-
Cộng		1.348.356.025	1.348.356.025		2.330.023.407	981.667.382

